TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 110/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 18 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361, 370, 371 và khoản 4 Điều 397 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 815/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông A, sinh năm 1986; địa chỉ: xã Đ, huyện B, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số đường B, phường Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà T, sinh năm 1983; địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre; tạm trú: đường L, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy: Các đương sự thuận tình ly hôn và tự nguyện thoả thuận với nhau tại Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 03 năm 2019 như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông A và bà T có một con chung là TT (nam), sinh ngày 11/6/2011; hai bên thỏa thuận bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ TT sau khi ly hôn, ông A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Ông A có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà T thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 42/KH, quyển số 01/2010 ngày 15 tháng 11 năm 2010 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre cấp không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ TT (nam), sinh ngày 11/6/2011; ông A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 4/2019 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông A chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông A phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Ông A có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông A và bà T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2017/0026398 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A và bà T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Quận X;
- UBND xã Vĩnh Hòa, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Phơ